

Bản án số: 119/2021/DS-ST

Ngày 23 tháng 9 năm 2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Vượng.

2. Ông Nguyễn Văn Tư.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Tống Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Đặn Đức Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 23/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 88/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2021, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2021/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 137/2021/QĐST-DS ngày 06/9/2021, giữa các đương sự:

****Nguyên đơn:*** Ngân hàng TMCP BDLV.

Địa chỉ: Số 210, đường Trần Quang Khải, quận HK, TP. HK.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quang T- Giám đốc Ngân hàng TMCP BDLV - Chi nhánh B.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Thế M - Phó trưởng phòng hỗ trợ hoạt động và ông Nguyễn Văn H – Phó trưởng phòng khách hàng - Ngân hàng TMCP BDLV - Chi nhánh B.

Địa chỉ: Số 389, đường Lê Lợi, phường H Văn Thụ, thành phố B, tỉnh B.

**** Bị đơn:***

- Chị Hà Thị H, sinh năm 1993.

Nơi ở hiện tại: Bản Khảm, xã Tô Múa, huyện VH, tỉnh SL.

- Anh Dương Văn T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn An Khánh (nay là xóm An Khánh), thôn Thù Sơn, xã Hoà Sơn, huyện H Hoà, tỉnh B.

(Nguyên đơn có mặt, Bị đơn đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 15/3/2021, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 19/4/2021 và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Thế M trình bày:*

Ngày 01/8/2016, chị Hà Thị H và anh Dương Văn T đã ký Hợp đồng tín dụng số 300.T033/2016/HĐTD và Khế ước nhận nợ số: 01/KU-LPB-HIEPHT-THANGNV với Ngân hàng TMCP BDLV – Chi nhánh B, vay số tiền **100.000.000đồng**; Mục đích vay: Vay tiêu dùng (mua nội thất); Thời gian vay: 60 tháng; Lãi suất cho vay 03 tháng đầu là 12,5%. Lãi suất các tháng tiếp theo được tính theo công thức sau: Lãi suất cho vay = Lãi suất tiết kiệm 13 tháng lĩnh lãi cuối kỳ cao nhất + biên độ tối thiểu 4,25%; Phương thức áp dụng lãi suất cho vay: Lãi suất thả nổi; Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; Kế hoạch trả nợ lãi: 25 hàng tháng; Ngày giải ngân: 01/8/2016.

Kỳ hạn trả nợ gốc: Gốc trả trong 60 kỳ, mỗi kỳ 01 tháng, số tiền trả gốc kỳ thứ 1 đến kỳ thứ 59 là 1.666.667đồng. Số tiền trả kỳ cuối là 1.666.647đồng; Kỳ hạn trả lãi: Trả vào 15 hàng tháng; Ngày trả nợ cuối cùng: Ngày 01/8/2021.

Quá trình vay vốn, chị H và anh T đã trả được một phần nợ gốc và lãi. Tuy nhiên, do không trả được nợ đến hạn nên khoản vay của chị H, anh T đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 15/9/2018. Kể từ khi khoản vay bị chuyển nợ quá hạn, Ngân hàng TMCP BDLV đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để chị H và anh T thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nhưng không có kết quả. Tính đến ngày 15/3/2021, chị H và anh T phải trả cho Ngân hàng TPCP BDLV tổng số tiền: 85.869.157đồng, trong đó: Nợ gốc: 59.999.992đồng; Nợ lãi: 25.869.165đồng.

Nay, Ngân hàng TM CP BDLV khởi kiện, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố B buộc chị H và anh T phải trả cho Ngân hàng khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 300.T033/2016/HĐTD và Khế ước nhận nợ số: 01/KU-LPB-HIEPHT-THANGNV tổng số tiền tính đến ngày 15/3/2021 là 85.869.157đồng và toàn bộ lãi phạt, phí phát sinh liên quan đến khoản vay sau ngày này đến thời điểm thanh toán xong toàn bộ khoản vay. Đồng thời trong thời gian chưa thanh toán nợ, chị H và anh T phải chịu lãi suất đã thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả hết nợ gốc.

* Bị đơn là chị Hà Thị H, quá trình tố tụng Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng do chị H vắng mặt tại địa phương. Theo Biên bản xác minh ngày 15/7/2021 tại Công an xã Hoà Sơn, huyện H Hoà, tỉnh B, chị H đã chuyển hộ khẩu đến Bản Khảm, xã Tô Múa, huyện VH, tỉnh SL, tuy nhiên khi chuyển hộ khẩu, chị

H không thông báo cho Ngân hàng và Tòa án về việc chị thay đổi nơi cư trú, Tòa án đã tổng đạt qua dịch vụ bưu chính, tuy nhiên chị H không đến Tòa án làm việc, không có quan điểm gì về việc giải quyết vụ án.

* Bị đơn là anh Dương Văn T hiện còn hộ khẩu thường trú tại Thôn An Khánh (nay là xóm An Khánh), thôn Thù Sơn, xã Hoà Sơn, huyện H Hoà, tỉnh B, tuy nhiên thường vắng mặt tại địa phương, được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng không đến Tòa án làm việc, không có quan điểm gì về việc giải quyết vụ án.

Tòa án nhân dân thành phố B đã thu thập được Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự số 196/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện H Hoà, tỉnh B. Tại quyết định đã công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Dương Văn T và chị Hà Thị H. Thời điểm anh T và chị H ly hôn không thông báo cho Ngân hàng biết.

Tại phiên tòa:

* Đại diện Ngân hàng TMCP BDLV trình bày:

- Ngân hàng giữ nguyên quan điểm khởi kiện và yêu cầu Tòa án buộc chị Hà Thị H và anh Dương Văn T phải hoàn trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến hết ngày 22/9/2021 là: 88.546.765đồng, trong đó, nợ gốc: 59.999.992đồng; Nợ lãi: 28.546.773đồng (gồm lãi trong hạn: 11.816.615đồng; lãi quá hạn: 16.730.158đồng). Sau ngày xét xử, chị H và anh T còn phải chịu lãi của khoản vay cho đến khi trả hết nợ. Ngân hàng tự nguyện rút lãi phạt đối với khoản vay của chị H và anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và trình bày quan điểm giải quyết đối với vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ và H giải, vắng mặt tại các phiên tòa, đối với ông Sơn không có ý kiến gì về nội dung giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP BDLV. Chấp nhận yêu cầu rút lãi phạt của Ngân hàng TMCP BDLV.

2. Buộc chị Hà Thị H và anh Dương Văn T phải trả Ngân hàng TMCP BDLV tổng số tiền tính đến hết ngày 22/9/2021 là: 88.546.765đồng, trong đó, nợ gốc: 59.999.992đồng; Nợ lãi: 28.546.773đồng (gồm lãi trong hạn: 11.816.615đồng; lãi quá hạn: 16.730.158đồng), theo Hợp đồng tín dụng số 300.T033/2016/HĐTD và Khế ước nhận nợ số: 01/KU-LPB-HIEPHT-THANGNV. Chị H, anh T phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng theo lãi suất thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày tuyên án.

3. Về án phí:

- Chị Hà Thị H và anh Dương Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- Hoàn trả Ngân hàng số tiền 1.938.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với những người trên.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP BDLV khởi kiện yêu cầu bị đơn là chị Hà Thị H và anh Dương Văn T trả tiền gốc, tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng do chị H, anh T vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc, tiền lãi theo thỏa thuận cam kết trong hợp đồng tín dụng. Chị H và anh T vay tiền Ngân hàng nhằm mục đích thanh toán chi phí mua sắm đồ dùng, nội thất gia đình, nên xác định quan hệ pháp luật là quan hệ dân sự “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Ngân hàng TMCP BDLV khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố B là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b; g Khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với yêu cầu trả nợ gốc và lãi của nguyên đơn:

Theo lời khai của đại diện nguyên đơn, xác định ngày Ngày 01/8/2016, chị Hà Thị H và anh Dương Văn T đã ký Hợp đồng tín dụng số 300.T033/2016/HĐTD và Khế ước nhận nợ số: 01/KU-LPB-HIEPHT-THANGNV với Ngân hàng TMCP BDLV – Chi nhánh B, vay số tiền 100.000.000đồng.

Do chị H, anh T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên thời điểm chuyển nợ quá hạn và không có khả năng thanh toán vào ngày 25/01/2019. Khoản nợ hiện tại Ngân hàng yêu cầu chị H và anh T thanh toán là tính đến hết ngày 22/9/2021 là: 88.546.765đồng, trong đó, nợ gốc: 59.999.992đồng; Nợ lãi: 28.546.773đồng (gồm lãi trong hạn: 11.816.615đồng; lãi quá hạn: 16.730.158đồng), theo Hợp đồng tín dụng số 300.T033/2016/HĐTD và Khế ước nhận nợ số: 01/KU-LPB-HIEPHT-THANGNV.

Tuy nhiên, chị H và anh T đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự số 196/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện H Hoà, tỉnh B. Tại Quyết định này, anh T và chị H

không đề nghị Tòa án giải quyết về khoản nợ với Ngân hàng. Xét thấy, cần buộc chị H và anh T, mỗi người phải có nghĩa vụ trả 1/2 tổng số tiền nợ gốc và lãi trên cho Ngân hàng, là phù hợp các Điều 317; Điều 319; Điều 322; khoản 7 Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 33; 37 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Chị H và anh T mỗi người phải tiếp tục trả ½ số tiền lãi cho Ngân hàng theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày tuyên án.

[2]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền bị buộc phải trả theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 90; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95; điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 317; Điều 319; Điều 322; khoản 7 Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 33; 37 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b, g khoản 1 Điều 40; Điều 144; Điều 147; Điều 157; Điều 158 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP BDLV.
2. Buộc chị Hà Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP BDLV số tiền: 44.273.382,5đồng, trong đó: Nợ gốc: 29.999.996đồng; Nợ lãi: 14.273.386,5đồng (đã gồm lãi trong hạn: 5.908.307,5đồng; lãi quá hạn: 8.365.079đồng).
3. Buộc anh Dương Văn T phải trả cho Ngân hàng TMCP BDLV số tiền: 44.273.382,5đồng, trong đó: Nợ gốc: 29.999.996đồng; Nợ lãi: 14.273.386,5đồng (đã gồm lãi trong hạn: 5.908.307,5đồng; lãi quá hạn: 8.365.079đồng).
4. Kể từ ngày ngày xét xử sơ thẩm (23/9/2021) chị H, anh T mỗi người còn phải tiếp tục chịu ½ số tiền lãi (trong hạn và quá hạn) của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần BDLV cho vay thì lãi suất chị H, anh T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.
5. Về án phí:

- Chị H, anh T mỗi người phải chịu 2.213.669 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Hoàn trả Ngân hàng TMCP BDLV số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.938.000 đồng theo biên lai số AA/2018/0002023 ngày 16/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh B.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

7. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND T. B;
- VKSND T. B
- VKS TP B,
- CCTHA dân sự TP.
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Mạnh Thắng